

THÔNG BÁO

Về việc mở bán nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (đợt 18)

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 180/TB-SDN/NOXH ngày 19/4/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng về việc mở bán nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP, Sở Xây dựng thông báo thông tin mở bán nhà ở xã hội như sau:

1. Tên dự án: Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng.

3. Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quy mô dự án: Quy mô công trình: Công trình gồm 06 tháp chung cư (khối CT6, CT7, CT8 và CT9 cao 20 tầng; khối CT5 và CT10 cao 21 tầng nổi) + tum thang + 01 tầng hầm chung cho 06 tháp. Tổng số căn hộ chung cư: 1.809 căn hộ (1.165 căn hộ nhà ở xã hội để bán; 348 căn hộ nhà ở thương mại để bán và 296 căn hộ nhà ở xã hội cho thuê).

5. Thông tin căn hộ mở bán

- Số lượng căn hộ ở xã hội mở bán: 170 căn hộ thuộc tòa CT05, CT06, CT08 và CT09.

- Giá bán căn hộ: 16.061.000 đồng/m² (Giá bán đã bao gồm thuế GTGT 5%, chưa bao gồm chi phí bảo trì 2%).

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết thời gian tiếp nhận hồ sơ.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký: Từ ngày 24/4/2024 đến 23/5/2024.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Ban Quản lý dự án Chung cư Nhà ở xã hội tại lô B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside. (Đường Mê Linh rẽ vào đường Huỳnh Dạng 500m, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). Điện thoại: 0945.438.998. Hotline: 0904.643.688. Email: noxhbautram@gmail.com. Ngày làm việc: từ thứ 2 ÷ sáng thứ 7 (trừ ngày lễ). Thời gian: Sáng từ 8h30 ÷ 11h00; Chiều từ 14h00 ÷ 16h00.

7. Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội

Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 10 Điều 49 Luật Nhà ở, cụ thể:

- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 5 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân (khoản 6 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 7 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở (khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở).
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở).

8. Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội

Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và chính sách của thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Chưa có nhà ở, quyền sử dụng đất ở; chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội; chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.
- Có đăng ký thường trú tại thành phố Đà Nẵng; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên và đóng bảo hiểm xã hội từ 01 năm trở lên tại thành phố Đà Nẵng.
- Đối với đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

9. Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và Thông tư số 09/2021/TT-BXD (*Đính kèm biểu mẫu hồ sơ*).

10. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng;
- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc xét duyệt, lựa chọn đối

tượng thực hiện theo hình thức bốc thăm do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp có đối tượng đảm bảo quy định là người có công với cách mạng hoặc người khuyết tật thì được ưu tiên mua nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 02 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm.

11. Lưu ý

- Người mua nhà ở xã hội không được phép thế chấp (trừ trường hợp thế chấp với ngân hàng để vay tiền mua chính căn hộ đó) và không được chuyển nhượng nhà ở dưới mọi hình thức trong thời gian tối thiểu là 05 năm kể từ thời điểm trả hết tiền mua nhà ở theo hợp đồng đã ký với bên bán; chỉ được phép bán lại, thế chấp hoặc cho thuê sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Kể từ thời điểm người mua nhà ở xã hội được phép bán nhà ở xã hội cho các đối tượng có nhu cầu thì ngoài các khoản phải nộp khi thực hiện bán nhà ở theo quy định của pháp luật, bên bán căn hộ nhà chung cư phải nộp cho Nhà nước 50% giá trị tiền sử dụng đất được phân bổ cho căn hộ đó; trường hợp bán nhà ở xã hội thấp tầng liền kề phải nộp 100% tiền sử dụng đất, tính theo giá đất do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành tại thời điểm bán nhà ở.

Sở Xây dựng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết, thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Trung tâm CNTT Tài nguyên và Môi trường;
- Báo Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- CTCP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Lưu: VT, QLN (H).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Hoàng

**BẢNG GIÁ BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI
CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI LÔ ĐẤT B4-2
THUỘC KHU ĐÔ THỊ XANH BÀU TRÀM LAKESIDE**

STT	TOÀ	TẦNG	CĂN	MÃ CĂN	PN	DT THỐNG THUỶ	GIÁ BÁN CÁN HỘ (Gồm VAT, chưa gồm 2 % PBT)	2% PHÍ BẢO TRÌ	TỔNG GTCH (Gồm VAT và Phí bảo trì)
LÔ B4-2 - TÒA CT5									
1	CT5	3	CH14	CT5-CH03.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
2	CT5	4	CH11	CT5-CH04.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
3	CT5	5	CH11	CT5-CH05.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
4	CT5	7	CH14	CT5-CH07.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
5	CT5	8	CH11	CT5-CH08.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
6	CT5	9	CH12	CT5-CH09.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
7	CT5	10	CH11	CT5-CH10.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
8	CT5	10	CH12	CT5-CH10.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
9	CT5	11	CH11	CT5-CH11.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
10	CT5	11	CH12	CT5-CH11.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
11	CT5	12	CH12	CT5-CH12.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
12	CT5	14	CH11	CT5-CH14.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
13	CT5	14	CH12	CT5-CH14.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
14	CT5	14	CH14	CT5-CH14.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
15	CT5	15	CH16	CT5-CH15.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
16	CT5	16	CH01	CT5-CH16.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
17	CT5	16	CH11	CT5-CH16.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
18	CT5	16	CH14	CT5-CH16.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
19	CT5	16	CH16	CT5-CH16.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
20	CT5	17	CH01	CT5-CH17.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
21	CT5	17	CH11	CT5-CH17.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
22	CT5	17	CH12	CT5-CH17.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
23	CT5	17	CH14	CT5-CH17.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
24	CT5	18	CH01	CT5-CH18.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
25	CT5	18	CH11	CT5-CH18.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
26	CT5	18	CH14	CT5-CH18.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
27	CT5	18	CH15	CT5-CH18.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
28	CT5	19	CH01	CT5-CH19.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
29	CT5	19	CH03	CT5-CH19.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
30	CT5	19	CH12	CT5-CH19.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
31	CT5	19	CH14	CT5-CH19.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
32	CT5	19	CH16	CT5-CH19.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
33	CT5	20	CH14	CT5-CH20.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
LÔ B4-2 - TÒA CT6									
34	CT6	5	CH15	CT6-CH05.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
35	CT6	11	CH03	CT6-CH11.03	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
36	CT6	11	CH04	CT6-CH11.04	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350

37	CT6	15	CH01	CT6-CH15.01	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
38	CT6	15	CH02	CT6-CH15.02	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
39	CT6	15	CH04	CT6-CH15.04	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
40	CT6	15	CH05	CT6-CH15.05	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
41	CT6	18	CH07	CT6-CH18.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
42	CT6	18	CH08	CT6-CH18.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
43	CT6	18	CH10	CT6-CH18.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
44	CT6	18	CH11	CT6-CH18.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
45	CT6	18	CH12	CT6-CH18.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
46	CT6	18	CH14	CT6-CH18.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
47	CT6	18	CH15	CT6-CH18.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
48	CT6	18	CH16	CT6-CH18.16	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
49	CT6	18	CH17	CT6-CH18.17	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
50	CT6	19	CH07	CT6-CH19.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
51	CT6	19	CH08	CT6-CH19.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
52	CT6	19	CH10	CT6-CH19.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
53	CT6	19	CH11	CT6-CH19.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
54	CT6	19	CH12	CT6-CH19.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
55	CT6	19	CH14	CT6-CH19.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
56	CT6	19	CH15	CT6-CH19.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
57	CT6	19	CH16	CT6-CH19.16	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
58	CT6	19	CH17	CT6-CH19.17	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
59	CT6	20	CH01	CT6-CH20.01	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
60	CT6	20	CH02	CT6-CH20.02	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
61	CT6	20	CH03	CT6-CH20.03	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
62	CT6	20	CH04	CT6-CH20.04	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
63	CT6	20	CH05	CT6-CH20.05	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
64	CT6	20	CH06	CT6-CH20.06	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
65	CT6	20	CH07	CT6-CH20.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
66	CT6	20	CH08	CT6-CH20.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
67	CT6	20	CH09	CT6-CH20.09	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
68	CT6	20	CH10	CT6-CH20.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
69	CT6	20	CH11	CT6-CH20.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
70	CT6	20	CH12	CT6-CH20.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
71	CT6	20	CH14	CT6-CH20.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
72	CT6	20	CH15	CT6-CH20.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
73	CT6	20	CH16	CT6-CH20.16	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
74	CT6	20	CH17	CT6-CH20.17	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
LÔ B4-2 - TÒA CT8									
75	CT8	19	CH01	CT8-CH19.01	1	45.00	722,745,000	13,766,571	736,511,571
76	CT8	19	CH03	CT8-CH19.03	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
77	CT8	19	CH06	CT8-CH19.06	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
78	CT8	19	CH09	CT8-CH19.09	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
79	CT8	19	CH16	CT8-CH19.16	1	50.50	811,080,500	15,449,152	826,529,652
80	CT8	20	CH01	CT8-CH20.01	1	45.00	722,745,000	13,766,571	736,511,571
81	CT8	20	CH03	CT8-CH20.03	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350

82	CT8	20	CH04	CT8-CH20.04	2	59.30	952,417,300	18,141,282	970,558,582
83	CT8	20	CH05	CT8-CH20.05	2	59.30	952,417,300	18,141,282	970,558,582
84	CT8	20	CH06	CT8-CH20.06	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
85	CT8	20	CH07	CT8-CH20.07	1	45.30	727,563,300	13,858,349	741,421,649
86	CT8	20	CH08	CT8-CH20.08	1	45.30	727,563,300	13,858,349	741,421,649
87	CT8	20	CH16	CT8-CH20.16	1	50.50	811,080,500	15,449,152	826,529,652
LÔ B4-2 - TÒA CT9									
88	CT9	3	CH07	CT9-CH03.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
89	CT9	3	CH16	CT9-CH03.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
90	CT9	3	CH17	CT9-CH03.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
91	CT9	4	CH07	CT9-CH04.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
92	CT9	4	CH11	CT9-CH04.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
93	CT9	4	CH15	CT9-CH04.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
94	CT9	4	CH16	CT9-CH04.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
95	CT9	4	CH17	CT9-CH04.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
96	CT9	10	CH16	CT9-CH10.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
97	CT9	10	CH17	CT9-CH10.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
98	CT9	11	CH01	CT9-CH11.01	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
99	CT9	11	CH07	CT9-CH11.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
100	CT9	11	CH16	CT9-CH11.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
101	CT9	11	CH17	CT9-CH11.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
102	CT9	11A	CH07	CT9-CH11A.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
103	CT9	11A	CH10	CT9-CH11A.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
104	CT9	11A	CH12	CT9-CH11A.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
105	CT9	11A	CH14	CT9-CH11A.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
106	CT9	11A	CH16	CT9-CH11A.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
107	CT9	11A	CH17	CT9-CH11A.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
108	CT9	12	CH07	CT9-CH12.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
109	CT9	12	CH10	CT9-CH12.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
110	CT9	12	CH14	CT9-CH12.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
111	CT9	12	CH16	CT9-CH12.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
112	CT9	12	CH17	CT9-CH12.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
113	CT9	14	CH07	CT9-CH14.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
114	CT9	14	CH10	CT9-CH14.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
115	CT9	14	CH11	CT9-CH14.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
116	CT9	14	CH12	CT9-CH14.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
117	CT9	14	CH14	CT9-CH14.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
118	CT9	14	CH16	CT9-CH14.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
119	CT9	14	CH17	CT9-CH14.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
120	CT9	15	CH07	CT9-CH15.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
121	CT9	15	CH10	CT9-CH15.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
122	CT9	15	CH14	CT9-CH15.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
123	CT9	15	CH16	CT9-CH15.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581

124	CT9	15	CH17	CT9-CH15.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
125	CT9	16	CH07	CT9-CH16.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
126	CT9	16	CH08	CT9-CH16.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
127	CT9	16	CH10	CT9-CH16.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
128	CT9	16	CH11	CT9-CH16.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
129	CT9	16	CH14	CT9-CH16.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
130	CT9	16	CH16	CT9-CH16.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
131	CT9	16	CH17	CT9-CH16.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
132	CT9	17	CH07	CT9-CH17.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
133	CT9	17	CH08	CT9-CH17.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
134	CT9	17	CH10	CT9-CH17.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
135	CT9	17	CH11	CT9-CH17.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
136	CT9	17	CH12	CT9-CH17.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
137	CT9	17	CH14	CT9-CH17.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
138	CT9	17	CH16	CT9-CH17.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
139	CT9	17	CH17	CT9-CH17.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
140	CT9	18	CH02	CT9-CH18.02	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
141	CT9	18	CH05	CT9-CH18.05	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
142	CT9	18	CH07	CT9-CH18.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
143	CT9	18	CH10	CT9-CH18.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
144	CT9	18	CH11	CT9-CH18.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
145	CT9	18	CH12	CT9-CH18.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
146	CT9	18	CH14	CT9-CH18.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
147	CT9	18	CH16	CT9-CH18.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
148	CT9	18	CH17	CT9-CH18.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
149	CT9	19	CH04	CT9-CH19.04	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
150	CT9	19	CH07	CT9-CH19.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
151	CT9	19	CH08	CT9-CH19.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
152	CT9	19	CH10	CT9-CH19.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
153	CT9	19	CH11	CT9-CH19.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
154	CT9	19	CH12	CT9-CH19.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
155	CT9	19	CH14	CT9-CH19.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
156	CT9	19	CH15	CT9-CH19.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
157	CT9	19	CH16	CT9-CH19.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
158	CT9	19	CH17	CT9-CH19.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657
159	CT9	20	CH02	CT9-CH20.02	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
160	CT9	20	CH05	CT9-CH20.05	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
161	CT9	20	CH07	CT9-CH20.07	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
162	CT9	20	CH08	CT9-CH20.08	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
163	CT9	20	CH09	CT9-CH20.09	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
164	CT9	20	CH10	CT9-CH20.10	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
165	CT9	20	CH11	CT9-CH20.11	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
166	CT9	20	CH12	CT9-CH20.12	2	58.40	937,962,400	17,865,950	955,828,350
167	CT9	20	CH14	CT9-CH20.14	1	45.70	733,987,700	13,980,718	747,968,418
168	CT9	20	CH15	CT9-CH20.15	3	70.00	1,124,270,000	21,414,667	1,145,684,667
169	CT9	20	CH16	CT9-CH20.16	2	58.00	931,538,000	17,743,581	949,281,581
170	CT9	20	CH17	CT9-CH20.17	2	57.00	915,477,000	17,437,657	932,914,657

**PHỤ LỤC I. CÁC MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC
HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 53 LUẬT NHÀ Ở**

Mẫu số 01. Mẫu đơn đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua Thuê Thuê mua

Kính gửi²:

Họ và tên người viết đơn:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp
ngày/...../..... tại.....

Nghề nghiệp³:

Nơi làm việc⁴:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁵ tại:

Là đối tượng⁶:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁷, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên:CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên:CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau⁸: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. □

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ □

- Khó khăn về nhà ở khác⁹ (ghi rõ nội dung)

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức tại dự án:

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số.....

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộm² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng m² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

..... ngày tháng năm.....

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

⁵ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

⁷ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

Mẫu số 02. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã¹⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp
ngày...../...../..... tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹¹ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹², bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau¹³:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất

ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác¹⁴ (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày thángnăm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã¹⁵ về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống./.

(ký tên, đóng dấu)

¹⁰ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

¹¹ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹² Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

¹³ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

¹⁴ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

¹⁵ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 03. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Kính gửi¹⁶:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/.../.... tại

Nghề nghiệp: Nơi làm việc¹⁷:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹⁹, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng²⁰:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²¹:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác²² (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... Ngày tháng năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về đối tượng:

Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

(ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã về thực trạng nhà ở:

Tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình đúng như nội dung của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

¹⁶ Gửi UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên để xác nhận về điều kiện nhà ở, đất ở. Gửi cơ quan, đơn vị đang công tác để xác nhận về đối tượng.

¹⁷ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

¹⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²² Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Mẫu số 04. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI THU NHẬP THẤP, HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÃ NGHỈ VIỆC, NGHỈ CHẾ ĐỘ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã²³

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)²⁴ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người²⁵, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng²⁶:.....

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²⁷:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư.

- Khó khăn về nhà ở khác²⁸ (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã²⁹ về:

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:

2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

²³ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

²⁴ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

²⁵ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²⁷ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²⁸ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

²⁹ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 05. Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG
ĐÃ TRẢ LẠI NHÀ Ở CÔNG VỤ**

Kính gửi³⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày
.../.../.... tại

Nghề nghiệp:

Chức vụ:

Nơi làm việc³¹:

Nơi ở hiện tại³²:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)³³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người³⁴, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại³⁵

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

1 Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu:

Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi đã trả lại nhà ở công vụ
(ký tên, đóng dấu)

2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị:

Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ
(ký tên, đóng dấu)

³⁰ Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị xác nhận.

³¹ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³² Nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

³⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

³⁵ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

Mẫu số 06. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 9 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, DẠY NGHỀ; HỌC SINH TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ CÔNG LẬP

Kính gửi³⁶:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Thẻ sinh viên (CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/...../..... tại

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ cơ sở đào tạo:

Niên khóa học:

Tôi cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào. Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ sở đào tạo³⁷ về:

1. Ông/Bà là đối tượng (Học sinh, sinh viên học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập):

2. Ông/Bà chưa được thuê nhà ở nhà ở tại nơi học tập.

(ký tên, đóng dấu)

³⁶ Gửi cơ sở đào tạo nơi đang học tập.

³⁷ Ghi tên cơ sở đào tạo.

Mẫu số 07. Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi về việc chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC
NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG BẰNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở**

Kính gửi³⁸:.....

Họ và tên người đề nghị được xác nhận³⁹:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày
...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁰ tại:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau⁴¹:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(ký tên, đóng dấu)

³⁸ Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

³⁹ Tên người đề nghị xác nhận đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

⁴⁰ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

Mẫu số 08. Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:
CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp
ngày/...../..... tại.....

Nơi ở hiện tại⁴²:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁴⁴, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số..... là:.....

Nghề nghiệpTên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:CMND số là:.....

Nghề nghiệpTên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:CMND số..... là:.....

Nghề nghiệpTên cơ quan (đơn vị).....

4. Họ và tên:CMND số..... là:.....

Nghề nghiệpTên cơ quan (đơn vị).....

5.....

Là đối tượng⁴⁵:.....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc.

Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

⁴² Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁴⁵ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

Mẫu số 09. Mẫu giấy tự kê khai về Điều kiện thu nhập đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP⁴⁶

Họ và tên người kê khai:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số

cấp ngày // tại.....

Nơi ở hiện tại⁴⁷:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁴⁹, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

4. Họ và tên: CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

5.....

Là đối tượng⁵⁰:

.....

Tôi và những người trong hộ gia đình có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..., ngày... tháng.....năm.....

Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

⁴⁶ Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

⁴⁷ Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁵⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng

1. Tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin :

.....Sinh năm :

Số CMND/ CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Địa chỉ :.....

.....

3. Số điện thoại, địa chỉ mail :

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp :

- Đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường rà soát tình trạng nhà ở, đất ở của chúng tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

- Hoàn thiện thủ tục xác nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ, sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

- Nhận văn bản xác nhận có dấu của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường.

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu :

.....

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU

(Ký và ghi họ tên cả vợ và chồng)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố. Trước khi các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến UBND cấp xã, phường để xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở theo quy định thì phải có giấy xác nhận sở hữu nhà, đất của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng. Do đó, đề nghị các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng (địa chỉ: số 24 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu) để được xác nhận về nhà ở, đất ở trên địa bàn thành phố (theo mẫu số 1A).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HỒ SƠ KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
NĂM.....

Kính gửi: - Cục Thuế thành phố Đà Nẵng
- Chi cục Thuế.....

Tôi tên là: Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Địa chỉ :.....

Để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kính đề nghị quý cơ quan Thuế xác nhận hồ sơ kê khai thuế thu nhập cá nhân của tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi họ tên)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố về việc rà soát thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

Các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà trước khi ngoài việc thực hiện mẫu giấy kê khai về điều kiện thu nhập, phải từ thực hiện tra cứu mã số thuế cá nhân của mình, làm đơn theo mẫu và liên hệ cơ quan thuế đang quản lý để được xác nhận của cơ quan thuế về mức thu nhập có nộp thuế thu nhập thường xuyên hay không (**theo Mẫu 1B**).

Mã số thuế cá nhân tra cứu tại trang: <http://tongcucthue.org/tra-cuu-ma-thue-thu-nhap-ca-nhan-online-tncnonline/>.

- Thuế thu nhập cá nhân cần kê khai trước hai năm kể từ thời điểm nộp đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội (ví dụ: thời điểm nộp đơn năm 2020 thì phải kê khai thuế thu nhập cá nhân năm 2018 và 2019).

- Trường hợp cả vợ và chồng cùng một cơ quan thuế quản lý có thể xác nhận trên cùng một mẫu đơn.